

Bản án số: 141/2022/DS-PT

Ngày: 08 -8-2022

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương-Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 145/2022/QĐXXPT-DS ngày 4 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị V; cư trú tại: Khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đào Thị V: Luật sư Nguyễn Trần Phương T, hoạt động tại Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định; địa chỉ: Số 28 Lê H, phường B, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đào Thị S; cư trú tại: Số 81 đường H, khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị C.

Người đại diện hợp pháp của bà Đào Thị C: Ông Phan Văn B, sinh năm 1967 là người đại diện theo ủy quyền của bà C (Theo Giấy ủy quyền ngày 20/3/2021); có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B.

2. Ông Đào Bá L; cư trú tại: Số nhà 06 đường N, khu vực Ruộng Hời, phường B, thành phố L, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông Đào Bá L: Ông Hoàng Trọng Q; cư trú tại: Số 22/13 N, phường B, thị xã A, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền của ông L (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/4/2021); có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn M; cư trú tại: Số 81 đường H, khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh B; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đào Thị V là nguyên đơn và bà Đào Thị S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đào Thị V trình bày:

Cha mẹ của bà là cụ Đ (chết năm 1996) và cụ T (chết năm 1994), có 04 người con gồm: bà Đào Thị C, ông Đào Bá L, bà Đào Thị S và bà (Đào Thị V). Ngoài ra, cha mẹ bà không có con nuôi hoặc con riêng nào khác. Ông bà nội, ngoại chết trước cha mẹ. Cha mẹ của bà chết không để lại di chúc. Di sản mà cha mẹ bà để lại chưa chia gồm có quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất thuộc thửa đất số 985, tờ bản đồ số 5, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 358m² nhưng đo đạc thực tế là 366,2m² và thửa đất số 621, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 750m² nhưng đo đạc thực tế là 737,2m² tọa lạc tại phường N. Di sản trên hiện bà S đang quản lý, sử dụng. Ngôi nhà do cha mẹ bà xây dựng trên thửa đất số 985 hiện nay không còn, được thay bằng ngôi nhà do vợ chồng bà Sương tự xây dựng. Chữ ký Đào Thị V trong “Giấy ủy quyền” mà ông L cung cấp không phải do bà ký tên. Nay bà yêu cầu chia toàn bộ di sản trên theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Đào Thị S trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của bà V về quan hệ gia đình, thời điểm cha mẹ chết và di sản để lại. Vào ngày 10/3/1989, anh trai của bà là ông Đào Bá L có viết “Giấy ủy quyền”, nội dung thể hiện ông L ủy quyền giao nhà và đất của cha mẹ cho bà quản lý, sử dụng, được quyền xây dựng nhà cửa. Văn bản này được cha mẹ lẫn tay và các anh chị em ký đầy đủ. Thửa đất số 985 có diện tích 366,2m² và thửa ruộng số 621 diện tích là 737,2m². Di sản trên do bà đang quản lý, sử dụng. Trên đất có ngôi nhà do vợ chồng bà xây dựng vào năm 1989 và sửa chữa lại vào năm 2009, các anh chị em trong gia đình biết. Thửa đất 985 ở vị trí rất sâu, vợ chồng bà đã bồi đắp cả thửa đất 366,2m² với chiều sâu 1m. Trong quá trình sống chung với cha mẹ, bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ già cho đến khi cha mẹ chết. Nay bà V

yêu cầu chia di sản thừa kế trên, bà đồng ý nhưng yêu cầu được nhận phần thừa kế nhiều hơn các đồng thừa kế khác vì bà quản lý khối di sản của cha mẹ để lại và có công chăm sóc cha mẹ. Bà đồng ý chia di sản bằng hiện vật và yêu cầu phải tính cho vợ chồng bà chi phí bồi tức đất. Bà đồng ý cho chồng bà là ông Nguyễn Văn M cùng đứng tên sở hữu, sử dụng chung với bà, về quyền lợi tài sản bà được chia thừa kế từ di sản của cha mẹ bà.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị C là ông Phan Văn B trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của bà V về quan hệ gia đình, thời điểm ông bà ngoại chết và di sản để lại. Ông và mẹ ông là bà C không biết gì về nội dung “Giấy ủy quyền” do ông L cung cấp. Chữ ký “Đào Thị C” trong “Giấy ủy quyền” không phải chữ ký của mẹ ông. Di sản mà ông bà ngoại để lại chưa chia gồm có quyền sử dụng đất thửa đất số 985 và thửa đất số 621 ở P, N. Nay bà Đào Thị V yêu cầu chia di sản trên theo quy định của pháp luật thì bà C đồng ý, bà C yêu cầu nhận bằng hiện vật, phần quyền lợi của bà C được hưởng bà C tự nguyện giao lại cho bà V toàn quyền sử dụng, sở hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Bá L trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc di sản, hiện trạng di sản mà cha mẹ ông để lại. Khi cha mẹ ông còn sống, thì vào ngày 10/3/1989, ông có viết “Giấy ủy quyền”, nội dung thể hiện giao nhà và đất của cha mẹ cho bà S quản lý, sử dụng, được quyền xây dựng nhà cửa. Văn bản này được cha mẹ ông lẫn tay và các anh chị em ký đầy đủ. Nội dung văn bản thể hiện ý chí của các cụ cho bà S được xây dựng nhà và hưởng khối cùng cha mẹ. Ông cho rằng nội dung “Giấy ủy quyền” là di chúc của cha mẹ ông. Trên đất có ngôi nhà do ông M, bà S xây dựng, sau đó sửa chữa lại vào năm 2009. Khi xây dựng nhà ông cũng đồng ý. Nay ông đề nghị Tòa chấp nhận nội dung “Giấy ủy quyền” thể hiện cha mẹ đã giao di sản trên cho ông. Nay ông tự nguyện giao di sản trên cho bà S. Trường hợp Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ ông thì phần mà ông được nhận, ông tự nguyện giao lại cho bà S toàn quyền sử dụng, sở hữu và ông yêu cầu Tòa tính công bảo quản di sản, công chăm sóc cha mẹ và tiền bồi tức thửa đất cho vợ chồng bà Sương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông là chồng của bà Đào Thị S, ông và bà S kết hôn năm 1985. Sau khi cưới, vợ chồng ông ở cùng nhà với cha mẹ vợ, vợ chồng ông có xây nhà, tu sửa nhà và bồi tức đất. Cha mẹ đã giao quyền sử dụng đất cho ông L và ông L có viết giấy ủy quyền giao nhà đất cho vợ chồng ông. Nếu Tòa chia di sản trên ông yêu cầu tính công quản lý tài sản và tiền chi phí bồi tức thửa đất cho vợ chồng ông và vợ ông là bà S phải được nhận phần thừa kế nhiều hơn các anh chị em khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị V về chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản của cụ Thái Thị Đ và cụ Đào A.

2. Xác định di sản của cụ A và cụ Đ gồm quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 985, diện tích là 366,2m² và thửa đất số 621 diện tích là 737,2m² cùng tờ bản đồ số 5 ở khu vực P, phường N, là di sản chưa chia.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C giao phần di sản được hưởng cho bà V, ông L giao phần di sản được hưởng cho bà S và bà S tự nguyện cho ông M cùng đứng tên chủ sử dụng, sở hữu chung tài sản mà quyền lợi của bà được hưởng trong vụ án này.

4. Giao vợ chồng bà Đào Thị S - ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu A với diện tích là 213,4m² trong đó 120 m² đất ở và 93,4m² đất vườn thuộc thửa đất số 985, trên phần đất A có nhà và các công trình phụ do vợ chồng bà xây dựng. Phần đất có tứ cận Phía Đông giáp đường đi; Phía Tây giáp đất lúa; Phía Nam giáp phần đất và nhà chia cho bà Vân, Phía Bắc giáp thửa đất 984. Phần đất trên có diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông 20,3 m² (có sơ đồ kèm theo).

5. Buộc vợ chồng bà Đào Thị S, ông Nguyễn Văn M giao phần đất chia cho bà V có ký hiệu B với diện tích là 152,8m² (trong đó 80 m² đất ở và 72,8 m² đất vườn) thuộc thửa đất số 985. Trên phần đất B có phần nhà với diện tích 16,5m² phần hiên nhà diện tích 12,5 m², phần cổng ngõ và phần tường rào. Phần đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường đi; Phía Tây giáp đất lúa; Phía Nam giáp thửa 986; Phía Bắc giáp phần nhà và đất chia cho vợ chồng bà Sương. Phần đất trên có diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông 16,9 m² (có sơ đồ kèm theo).

6. Vợ chồng bà Đào Thị S, ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng phần diện tích ruộng 437,2m² thuộc thửa 621. Có tứ cận Phía Đông giáp thửa 622; Phía Tây giáp phần ruộng chia cho bà Vân; phía Nam giáp ruộng nước; Phía Bắc giáp thửa 625 (có sơ đồ kèm theo).

7. Buộc vợ chồng bà Đào Thị S - ông Nguyễn Văn M giao cho bà Đào Thị V được quyền sử dụng phần diện tích ruộng 300m² thuộc thửa 621. Có tứ cận Phía Đông giáp phần ruộng chia cho vợ chồng bà S; Phía Tây giáp thửa 620; Phía Nam giáp ruộng nước, Phía Bắc giáp thửa 625 (có sơ đồ kèm theo).

8. Buộc bà Đào Thị V phải thanh toán lại cho vợ chồng bà S - ông M tiền giá trị đất vườn, đất ruộng chênh lệch, giá trị tài sản trên phần đất được chia và tiền bồi trừc đất, tổng số tiền là 59.591.629đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12/5/2022, bà Đào Thị S có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

- Công nhận Giấy ủy quyền đề ngày 10/3/1989 thể hiện ý chí của cụ Đào A, cụ Thái Thị Đ đã giao cho ông L được hưởng di sản các cụ để lại và ông L đã giao

lại cho bà toàn quyền sử dụng.

- Bác yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Đào Thị V.

- Nếu chia di sản thừa kế thì yêu cầu phải chia 05 kỷ phần bằng nhau và phải giao cho bà hưởng 03 kỷ phần với chiều rộng mặt tiền 5,1m và chiều rộng mặt hậu là 4,5m.

Ngày 16/5/2022, Bà Đào Thị V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu chia di sản của cụ Đào A và cụ Thái Thị Đ làm 04 kỷ phần cả phần đất ở, phần đất vườn và đất ruộng, phần bà V được chia 02 kỷ phần với diện tích đất ở 100m², diện tích đất vườn 83,1m² và diện tích đất ruộng 368,6m².

Luật sư Nguyễn Trần Phương T phát biểu luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đào Thị V: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận kháng cáo của bà V.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tổ tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị V và bà Đào Thị S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Đào Thị Vân, HĐXX thấy rằng: Vợ chồng cụ Đào A và cụ Thái Thị Đ có 04 người con là bà Đào Thị C, ông Đào Bá L, bà Đào Thị S và bà Đào Thị V, đến tại thời điểm ông L viết giấy ủy quyền Vào ngày 10/3/1989 thì các con của vợ chồng cụ An đều đã trưởng thành, bà cúc, ông L, bà V đã có cuộc sống riêng nơi khác, chỉ còn bà S là vẫn ở với cha mẹ cho tới khi các cụ qua đời và sau khi các cụ chết thì vợ chồng bà S đã bỏ tiền của công sức để nâng nền, xây cất nhà cửa, thờ cúng cha mẹ. Do đó, cấp sơ thẩm xác định bà S là người là người có công chăm sóc cha mẹ khi tuổi về già, có công bảo quản, tôn tạo di sản của cụ A, cụ Đ để lại nên chia di sản làm 05 kỷ phần bằng nhau và xét cho bà S được hưởng thêm 01 kỷ phần ngoài kỷ phần được nhận và kỷ phần của bà C tặng cho là đúng theo quy định tại điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 618, khoản 3, 10 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bà Đào Thị S, HĐXX thấy rằng: Điều 624 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “ *Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*”. Tuy nhiên, Giấy ủy quyền ngày 10/3/1989 do ông Đào Bá L viết chỉ có nội dung thể hiện, ông L cho bà Đào Thị S được tiếp tục thay mặt ông L, được quyền xây dựng nhà cửa, hương khói cùng cha mẹ tuổi yếu già, mà không có nội dung nào thể hiện ý chí của vợ chồng cụ A và cụ Đ chuyển tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 985 và thửa đất số 621 tờ bản đồ số 5 ở khu vực P, phường N, thị xã A cho ông Đào Bá L hay một người nào khác sau khi các cụ chết. Do đó, bà S cho rằng cha mẹ bà đã tặng cho khối di sản trên cho ông L, là không có căn cứ. Đối với việc phân chia thửa đất số 985, thì lẽ ra phải chia cho bà

S được sử dụng mặt tiền và mặt hậu phần đất được nhận rộng hơn. Tuy nhiên, nếu chia như vậy thì phần đất chia cho bà V lại trở nên nhỏ, hẹp về chiều ngang làm cho giá trị thấp xuống, hơn nữa bà V cũng phải chịu trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch diện tích đất cho bà S nên cấp sơ thẩm chia thừa đất nêu trên theo sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Đào Thị V và của bà Đào Thị S là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Đào Thị V phải chịu 300.000 đồng. Bà Đào Thị S được miễn nộp.

[5] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V của luật sư là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết cụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Đào Thị V và của bà Đào Thị S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị V về chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Thái Thị Đ và cụ Đào A.

2. Xác định di sản của cụ Đào A và cụ Thái Thị Đ gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 985, diện tích là 366,2m² và thửa đất số 621, diện tích là 737,2m², cùng tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khu vực Ph, phường N, thị xã A, tỉnh B là tài sản chưa chia.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đào Thị C Tặng cho kỹ phần thừa kế được hưởng cho bà Đào Thị V, ông Đào Bá L tặng cho kỹ phần thừa kế được hưởng cho

bà Đào Thị S và bà S tự nguyện cho ông Nguyễn Văn M cùng đứng tên chủ sử dụng, sở hữu chung tài sản mà quyền lợi của bà Sương được hưởng trong vụ án này.

4. Giao cho vợ chồng bà Đào Thị S và ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng phần đất có ký hiệu A, với diện tích là 213,4m² (trong đó 120 m² đất ở và 93,4 m² đất vườn) thuộc thửa đất số 985, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh B, trên phần đất A có nhà và các công trình phụ do vợ chồng bà S, ông M xây dựng. Phần đất có tứ cận Phía Đông giáp đường đi; Phía Tây giáp đất lúa; Phía Nam giáp phần đất và nhà chia cho bà Đào Thị V, Phía Bắc giáp thửa đất 984, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh B. Phần đất trên có diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông là 20,3 m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

5. Buộc vợ chồng bà Đào Thị S và ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ giao cho bà Đào Thị V phần đất có ký hiệu B, với diện tích là 152,8m² (trong đó 80 m² đất ở và 72,8 m² đất vườn) thuộc thửa đất số 985, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khu vực Phò An, phường N, thị xã A, tỉnh B. Trên phần đất B có phần nhà với diện tích 16,5 m², phần hiên nhà có diện tích 12,5 m², phần cổng ngõ và phần tường rào. Phần đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường đi; Phía Tây giáp đất lúa; Phía Nam giáp thửa 986 tờ bản đồ số 5; Phía Bắc giáp phần nhà và đất chia cho vợ chồng bà S, ông M. Phần đất trên có diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông là 16,9 m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

6. Vợ chồng bà Đào Thị S và ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng 437,2m² đất ruộng, thuộc thửa đất số 621, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Đ. Có tứ cận Phía Đông giáp thửa 622, tờ bản đồ số 5; Phía Tây giáp phần ruộng chia cho bà Đào Thị V; Phía Nam giáp ruộng nước; Phía Bắc giáp thửa 625, tờ bản đồ số 5 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

7. Buộc vợ chồng bà Đào Thị S và ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ giao cho bà Đào Thị V 300m² đất ruộng, thuộc thửa đất số 621, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại khu vực P, phường N, thị xã A, tỉnh B. Có tứ cận Phía Đông giáp phần ruộng chia cho bà S; Phía Tây giáp thửa đất số 620, tờ bản đồ số 5; Phía Nam giáp ruộng nước; Phía Bắc giáp thửa đất số 625, tờ bản đồ số 5 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

8. Buộc bà Đào Thị V phải có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng bà Đào Thị S và ông Nguyễn Văn M 59.591.629 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm chín mươi một nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng) giá trị chênh lệch đất vườn, đất ruộng, tài sản trên phần đất được chia và công sức bồi trúc đất.

9. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

9.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đào Thị Cúc, ông Đào Bá Lượng, bà Đào Thị S và ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Đào Thị V phải chịu 20.852.812 đồng, nhưng được khấu trừ vào 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số: 0001542 ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Bà V còn phải nộp 15.852.812 đồng.

9.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đào Thị V phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số: 0005256 ngày 17/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

9.3 Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000 đồng, bà Đào Thị V phải chịu 1.200.000 đồng, vợ chồng bà Đào Thị S và ông Nguyễn Văn M phải chịu 1.800.000 đồng. Bà V đã nộp chi xong nên vợ chồng bà S, ông M phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà V 1.800.000 đồng.

10. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

10.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

10.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Thị Hoài Xuân

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Thị Hoài Xuân

Võ Công Phương

Tuyên xử:

1.....

2. Về án phí dân sự:

.....

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thắm

Phan Minh Dũng

Võ Công Phương

